

Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2019: Kết quả và dự báo

NGUYỄN ĐÌNH CUNG*

GDP đạt 6,71% trong quý II/2019, giảm so với quý I (6,82%). Tính chung 6 tháng đầu năm 2019, GDP tăng 6,76%, thấp hơn mức tăng của nửa đầu năm 2018, nhưng cao hơn cùng kỳ giai đoạn 2011-2017. Kết quả này không cách xa mục tiêu tăng trưởng cả năm 2019 (6,8%-7,0%). Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tương đối cao so với các nước trong khu vực. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đà mở rộng tăng trưởng, tuy nhiên tăng trưởng GDP tiềm năng vẫn giữ xu hướng giảm, phản ánh lo ngại về chất lượng tăng trưởng chưa được củng cố - đặc biệt khi Việt Nam lưu tâm hơn đến ứng phó với tác động bất lợi từ môi trường kinh tế bên ngoài.

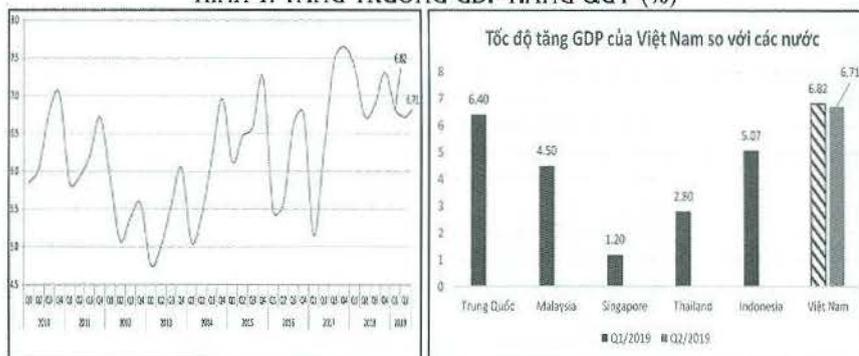
DIỄN BIẾN KINH TẾ VĨ MÔ TRONG QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,71% trong quý II, giảm so với quý I (6,82%). Tính chung 6 tháng đầu năm, GDP tăng 6,76%, thấp hơn mức tăng của nửa đầu năm 2018, nhưng cao hơn cùng kỳ giai đoạn 2011-2017. Kết quả này không cách xa mục tiêu tăng trưởng cả năm 2019 (6,8%). Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tương đối cao so với các nước trong khu vực (Hình 1).

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đà mở rộng tăng trưởng. Quý II là quý thứ 8 liên tiếp GDP vượt mức tiềm năng và là quý thứ 9 liên tiếp tăng trưởng GDP vượt mức tiềm năng (Hình 2). Dù vậy, tăng trưởng GDP tiềm năng vẫn giữ xu hướng giảm. Điều này ít nhiều phản ánh lo ngại về chất lượng tăng trưởng chưa được củng cố - đặc biệt khi Việt Nam lưu tâm hơn đến ứng phó với tác động bất lợi từ môi trường kinh tế bên ngoài.

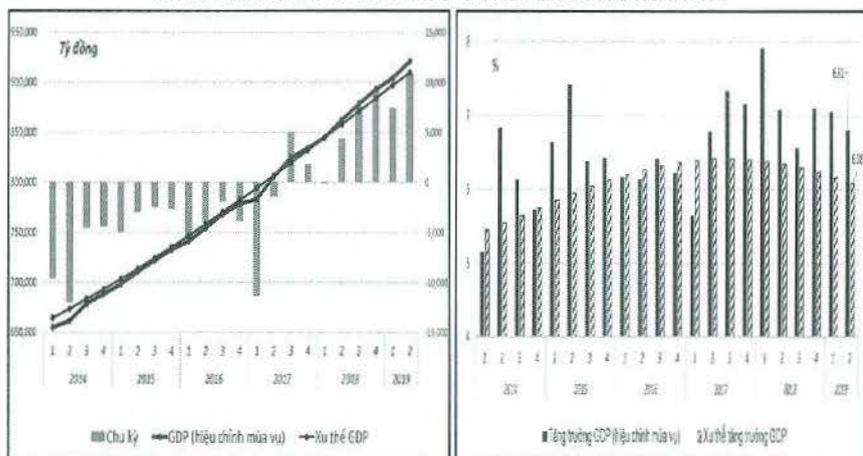
Tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản vẫn là những nhân tố chính đóng góp vào GDP trên góc độ tổng cầu (Hình 3). Tốc độ tăng tiêu dùng cuối cùng không khác biệt đáng kể so với các năm 2017-

HÌNH 1: TĂNG TRƯỞNG GDP HÀNG QUÝ (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê (TCTK)

HÌNH 2: DIỄN BIẾN CHU KỲ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

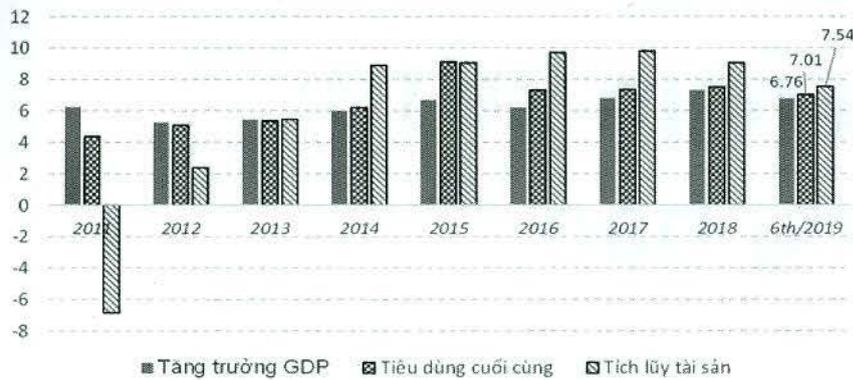


Nguồn: Tính toán của CIEM

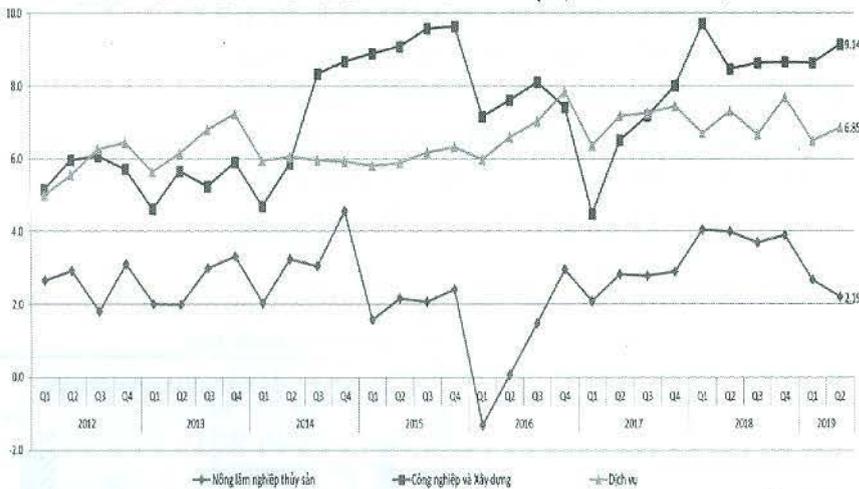
* TS., Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM)



HÌNH 3: TƯƠNG QUAN TỐC ĐỘ TĂNG TÍCH LŨY TÀI SẢN VÀ TIÊU DÙNG CUỐI CÙNG SO VỚI TĂNG TRƯỞNG GDP



HÌNH 4: TĂNG TRƯỞNG GDP THEO KHU VỰC, 2012 - QUÝ II/2019



Nguồn: TCTK

2018, dù cầu tiêu dùng trong dân tăng cao¹. Tuy nhiên, tích lũy tài sản tăng tương đối chậm so với cùng kỳ các năm trước. Nguyên nhân có thể là do: (i) Tăng trưởng tín dụng tương đối chậm, trong khi tín dụng phi chính thức có phần bị kiểm soát hơn; (ii) Mặt bằng lãi suất cho vay không giảm; (iii) Cầu nước ngoài đối với xuất khẩu của Việt Nam suy giảm.

Khu vực nông - lâm - thủy sản tăng trưởng ở mức 2,19% trong quý II và 2,39% trong 6 tháng đầu năm. Mức tăng này thấp hơn cùng kỳ năm 2017-2018 (Hình 4). Một số nguyên nhân chính là do: (i) Suy giảm tăng trưởng kinh tế thế giới ảnh hưởng đến cầu nông sản; (ii) Không ít thị trường nhập khẩu tăng cường áp dụng hàng rào kỹ thuật đối với nhập khẩu nông sản, kể cả Trung Quốc và một số thị trường CPTPP; và (iii) Dịch tả lợn châu Phi kéo dài gây ảnh hưởng nặng nề đối với ngành chăn nuôi. Riêng phân ngành thủy sản đạt mức tăng trưởng 6,45% - cao nhất trong 9 năm trở lại đây, do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

Khu vực công nghiệp - xây dựng đạt tốc độ tăng giá trị gia tăng ở mức 9,14% trong quý II (Hình 4). Tính chung 6 tháng đầu năm, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng trưởng 8,93%, đóng góp 51,8% vào mức tăng trưởng chung. Trong đó, phân ngành chế biến, chế tạo tăng tới 11,18%². Trong nửa đầu năm, Việt Nam chưa gặp khó trong xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Trong khi đó, Việt Nam đã chứng kiến sự gia tăng dòng vốn đầu tư vào phân ngành chế biến, chế tạo, đặc biệt là từ Trung Quốc. Bên cạnh đó, quý II ghi nhận bước tăng trưởng dương trở lại của phân ngành khai khoáng, ở mức 1,78% - lần đầu tiên sau ba năm liên tục giảm. Riêng khai thác kim loại tăng mạnh, đạt tới 18,1%, bù đắp cho sự sụt giảm của khai thác dầu thô.

Chỉ số phát triển công nghiệp (IIP) toàn ngành tiếp tục tăng trưởng, đạt 9,7% trong quý II và 9,5% trong 6 tháng đầu năm. Các phân ngành đều tăng trưởng khá: phân ngành chế biến chế tạo tăng 10,7%; sản xuất và phân phối điện tăng 10,4% và cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,1%. IIP của ngành khai khoáng cũng tăng trưởng trở lại, ở mức 2,9% (với tăng trưởng vượt bậc của khai thác quặng kim loại 22,5%).

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) trong lĩnh vực sản xuất duy trì ở mức cao trong quý II, đều đạt 52,5 trong tháng 4 và tháng 6, xen giữa là mức giảm nhẹ xuống còn 52 trong tháng 5. Theo nhiều đánh giá, Việt Nam vẫn là nước tiến triển tích cực nhất trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương (cao nhất trong số các quốc gia khu vực ASEAN và chỉ thấp hơn Ấn Độ). Những nỗ lực hướng tới cải thiện môi trường và điều kiện kinh doanh tiếp tục khẳng định hiệu quả và tác động tới khu vực sản xuất, tạo thuận lợi cho những kết quả hoạt động tốt hơn ở khu vực này.

Khu vực dịch vụ ít có chuyển biến lớn, chỉ tăng trưởng 6,85% trong quý II và 6,69% trong 6 tháng đầu năm. Các phân ngành bán buôn, bán lẻ; dịch vụ lưu trú và ăn uống đều có mức tăng và đóng góp thấp hơn cùng kỳ. Bên cạnh đó, lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng chậm

¹ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm đạt 409,8 nghìn tỷ đồng, tăng cao so với năm trước, ở mức 11,5%.

² Một số phân ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao nhất là sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế (tăng 69,1%); sản xuất kim loại (tăng 40,1%) với sự quay trở lại hoạt động của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn và dự án thép Formosa.

trong 6 tháng đầu năm³ đã tác động đến doanh thu của ngành. Các ngành dịch vụ khác vẫn duy trì mức tăng trưởng và đóng góp tích cực, cụ thể hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tăng 8,04%; vận tải, kho bãi tăng 8,16%; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 4,13%.

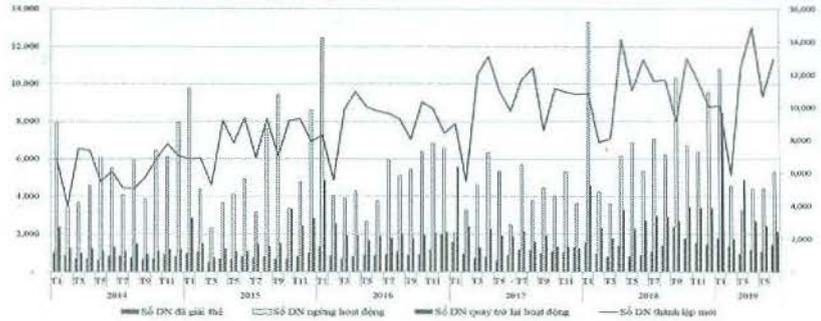
Phân ngành chế biến, chế tạo đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng đầu năm. Trong các phân ngành dịch vụ, bán buôn, bán lẻ và sửa chữa mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có đóng góp nhiều nhất cho tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, mức đóng góp của nông nghiệp và phân ngành chế biến chế tạo trong 6 tháng đầu năm đều giảm đáng kể so với cùng kỳ 2018. Đáng lưu ý, dù được kỳ vọng nhiều trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, phân ngành thông tin và truyền thông chỉ đóng góp dưới 0,1 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP.

Sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp có phần rõ nét hơn. Trong quý II, có 38,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 484,7 nghìn tỷ đồng, tăng tương ứng 2,0% và 30,8%. So với quý trước, các chỉ số phát triển doanh nghiệp có cải thiện, tăng 35,3% về số doanh nghiệp thành lập mới và 29,1% số vốn đăng ký. Số doanh nghiệp ngừng hoạt động (bao gồm cả ngừng hoạt động có đăng ký và ngừng hoạt động chờ đóng mã số thuế hoặc không đăng ký) trong quý II giảm 23,22% (Hình 5).

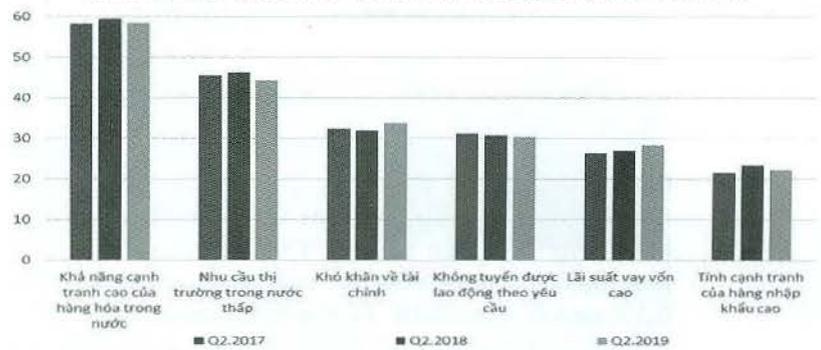
Tính chung 6 tháng đầu năm, gần 67 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký 860,2 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% về số doanh nghiệp và 32,5% về vốn đăng ký. Bên cạnh đó, 21,6 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 6 tháng đầu năm là 649 nghìn người, tăng 2,6%.

Theo khảo sát doanh nghiệp của TCTK trong quý II, một số yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh là: khả năng cạnh tranh cao của hàng hóa trong nước (58,4%), nhu cầu thị trường trong nước thấp (44,3%), khó khăn về tài chính (33,7%), không tuyển được lao động theo yêu cầu (30,5%), lãi suất vay vốn cao (28,4%) và tính cạnh tranh của hàng nhập khẩu (22,3%) (Hình 6).

HÌNH 5: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, T1/2014-T6/2019



HÌNH 6: YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SẢN XUẤT, KINH DOANH



Nguồn: TCTK

Các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đánh giá lạc quan hơn về tình hình sản xuất, kinh doanh trong quý II. Khảo sát xu hướng kinh doanh của TCTK cho thấy, 45,2% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh quý II tốt hơn quý trước; 16,5% doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn; và 38,3% số doanh nghiệp cho rằng, tình hình sản xuất, kinh doanh ổn định hơn. Dự báo quý tới, 82,6 doanh nghiệp đánh giá xu hướng sản xuất, kinh doanh tốt hơn quý này và chỉ 11,4% doanh nghiệp cho rằng, tình hình kinh doanh khó khăn hơn.

Những đánh giá tương đối tích cực có thể xuất phát từ việc: (i) Môi trường đầu tư - kinh doanh tiếp tục được cải thiện; (ii) Việt Nam đã đi vào thực hiện Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và chuẩn bị cho việc thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA); (iii) Nhiều nhà đầu tư nước ngoài nhìn nhận Việt Nam gia tăng sự hấp dẫn tương đối trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

Việc xây dựng kịch bản dự báo dựa trên các đánh giá của các cơ quan tổ chức về triển vọng kinh tế thế giới, tiến triển của nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm, cũng như khả năng sử dụng một số công cụ chính sách kinh tế trong nước. Theo đó, GDP của các đối tác tăng 2,6% trong năm 2019⁴. Mức giá của Mỹ tăng 1,5%⁵.

³ Chỉ tăng 7,5% so với mức tăng 27,2% năm 2018 và 30,2% năm 2017.

⁴ Theo Dự báo của Ngân hàng Thế giới (tháng 06/2019).

⁵ Nguồn: <https://www.ft.com/content/7448491c-92ba-11e9-aea1-2b1d33ac3271>

**BẢNG: KẾT QUẢ CẬP NHẬT DỰ BÁO
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2019**

	Đơn vị: %
Tăng trưởng GDP	6,82
Lạm phát bình quân	3,38
Tăng trưởng xuất khẩu	8,02
Cán cân thương mại (tỷ USD)	0,8

Nguồn: Dự báo cập nhật từ mô hình kinh tế lượng vĩ mô sử dụng số liệu năm của CIEM

Giá hàng nông sản xuất khẩu giảm 4,3%⁶. Giá dầu thô thế giới giảm 4,4%⁷.

Về phía Việt Nam, tỷ giá VNĐ/USD của ngân hàng thương mại tăng 1,2%. Tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 12,0%. Tín dụng tăng 14,0%. Giá nhập khẩu tăng 2%. Dân số tăng 1,08%/năm và việc làm tăng 0,86%. Lượng dầu thô xuất khẩu giả thiết giảm 6,5% so với năm 2018. Tỷ giá hữu hiệu thực giả thiết giảm 1%. Trên cán cân thanh toán, chuyển giao của Chính phủ và khu vực tư nhân (ròng) lần lượt giảm 10% và tăng 5%. Vốn thực hiện của khu vực FDI (bao gồm cả phía nước ngoài và phía Việt Nam) tăng 5%. Đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) được bổ sung 429,3 nghìn tỷ đồng.

Kết quả dự báo cho thấy, tăng trưởng kinh tế năm 2019 (cập nhật) có thể đạt mức 6,82% (Bảng). Tăng trưởng xuất khẩu cả năm dự báo ở mức 8,02%. Thặng dư thương mại dự báo ở mức 0,8 tỷ USD. Lạm phát bình quân năm 2019 đạt 3,38%.

Diễn biến kinh tế vĩ mô trong 6 tháng cuối năm có thể chịu ảnh hưởng của một số yếu tố, cụ thể như sau:

- Rủi ro suy thoái của kinh tế thế giới được đề cập nhiều hơn, dù có thể chưa xảy ra ngay trong 6 tháng cuối năm 2019. Xu hướng thắt chặt tài chính ở Mỹ đã bị thay thế bởi việc phòng ngừa suy thoái kinh tế: FED đã nhanh chóng để ngỏ khả năng hạ lãi suất, dù cuối quý I còn nói về khả năng không tăng lãi suất. Xu hướng nới lỏng chính sách có thể kéo theo giảm giá đồng nội tệ ở nhiều nước.

- Căng thẳng thương mại ở khu vực chưa hạ nhiệt. Chiến tranh thương mại - công nghệ giữa Mỹ và Trung Quốc còn diễn biến phức tạp, và không loại trừ sẽ còn một số khúc quanh trong nửa cuối năm. Đối đầu thương mại giữa Nhật Bản và Hàn Quốc thậm chí còn tác động trực tiếp và nhanh hơn đối với Việt Nam.

- Dù kỳ vọng nhiều vào việc phê chuẩn EVFTA, Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU (IPA), Việt Nam cũng cần lưu ý rằng, EU đang rất bận với chương trình nghị sự về thương mại (liên quan đến Brexit, đàm phán thương mại với Mỹ).

- Hàng xuất khẩu của Việt Nam có thể gặp phải nhiều vụ kiện phòng vệ thương mại, điều tra chống lẩn tránh thuế, gian lận xuất xứ..., không chỉ ở thị trường Mỹ.

- Sự đối đầu giữa các công nghệ mới và tư duy quản lý truyền thống ngày một phức tạp hơn, ngay cả ở các thị trường phát triển. Vụ việc đồng tiền Libra chính là một ví dụ tiêu biểu gần đây nhất. Điều này có thể khiến Việt Nam thận trọng hơn trong việc tiếp cận các công nghệ mới, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- Các hiệp định EVFTA và IPA đã được ký kết và đang chờ phê chuẩn. Sau những gập ghềnh trong quá trình tiến tới ký kết hai hiệp định này, Việt Nam có quyền trông đợi vào những cơ hội và tác động tích cực mới đối với nền kinh tế trong thời gian tới. Tuy nhiên, những hiệp định này đều có yêu cầu cao và đòi hỏi Việt Nam phải nỗ lực thực chất hơn để cải cách thể chế và chuẩn bị các điều kiện thực thi, bên cạnh những yêu cầu khác. Việc chậm chuẩn bị một số nội dung cho việc thực hiện CPTPP chính là bài học cần tránh đối với FTA và IPA. Cộng đồng doanh nghiệp khó có thể bằng lòng nếu những lợi ích từ EVFTA và IPA chỉ dừng ở mức tiềm năng, kể cả khi lợi ích tiềm năng ấy được thể hiện ở mức tăng nhiều %, thậm chí nhiều chục % của các chỉ số kinh tế vĩ mô trong Báo cáo đánh giá tác động tiềm năng của các hiệp định này. Cần lưu ý, cộng đồng doanh nghiệp không chỉ cần một “nền kinh tế nhiều FTA”, mà cần hơn một nền kinh tế mở, cạnh tranh và ít chi phí.

KIẾN NGHỊ VỀ ĐỔI MỚI, CẢI CÁCH

Thứ nhất, tiếp tục cụ thể hóa, triển khai các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển kinh tế tư nhân; cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; cải cách bảo hiểm xã hội. Tiếp tục hướng dẫn, tổ chức triển khai hiệu quả các luật căn bản của thể chế kinh tế thị trường,

⁶ Dự báo của EIU (ngày 19/06/2019).

⁷ Dự báo của EIU (ngày 19/6/2019).

LỄ KÝ

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VÀ HIỆP ĐỊNH BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2019

SIGNING CEREMONY

FREE TRADE AGREEMENT AND INVESTMENT PROTECTION AGREEMENT BETWEEN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND THE EUROPEAN UNION

Ha Noi, 30 June 2019



như: Luật Quản lý nợ công; Luật Đầu tư công (sửa đổi); Luật sửa đổi các Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Cạnh tranh (sửa đổi); Luật An ninh mạng... Nhanh chóng đánh giá tình hình triển khai để mạnh dạn đề xuất những điều chỉnh cần thiết, nếu có. Nghiên cứu, sửa đổi kịp thời Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư nhằm giải quyết những hạn chế trong thực tế triển khai. Ưu tiên cải cách môi trường kinh doanh theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Chủ động trao đổi, hợp tác với các đối tác nhằm thực thi hiệu quả CPTPP, vận động phê chuẩn EVFTA, và nhanh chóng hoàn thành cơ bản đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP). Tiếp tục vận động các đối tác công nhận quy chế kinh tế thị trường đầy đủ cho Việt Nam. Theo dõi, đánh giá các động thái mới của các nước lớn với các nền kinh tế chưa có quy chế thị trường để kiến nghị hướng xử lý.

Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi CPTPP và chuẩn bị cho việc thực thi EVFTA và IPA. Ban hành Luật sửa một số luật để thực thi CPTPP. Tiếp tục rà soát nội dung cam kết trong các FTA và điều ước quốc tế, mà Việt Nam đang đàm phán, đã hoàn tất đàm phán và đã ký kết để có những điều chỉnh về quy định pháp luật phù hợp.

Về chính sách tiền tệ (CSTT): Tiếp tục điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, thận trọng, đồng bộ nhằm ổn định thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ

mô, kiểm soát lạm phát. Điều hành tỷ giá phù hợp với diễn biến thị trường, cân đối vĩ mô và mục tiêu của CSTT. Truyền thông về việc không phá giá đồng VND để hỗ trợ xuất khẩu. Xem xét hạn chế truyền thông về việc mua ngoại hối nhằm tăng cường dự trữ ngoại hối quốc gia. Theo dõi sát diễn biến tỷ giá đồng USD, NDT, Euro cũng như giá cả một số mặt hàng quan trọng trên thị trường thế giới để điều hành tỷ giá một cách linh hoạt, chặt chẽ nhằm hạn chế tác động đối với lạm phát và môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

Điều hành lãi suất phù hợp với tín hiệu thị trường và mục tiêu ưu tiên của CSTT. Nghiên cứu khả năng tiếp tục giảm lãi suất cho vay cho các lĩnh vực ưu tiên. Điều hành linh hoạt thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại để hỗ trợ cho hoạt động tín dụng, phát hành trái phiếu chính phủ, phòng ngừa và ứng phó với biến động của dòng vốn đầu tư gián tiếp và kiều hối.

Cần sớm ban hành Chiến lược Quốc gia về tài chính toàn diện, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận tài chính, giảm tệ nạn tín dụng đen. Xác định rõ ràng hơn phạm vi của “tín dụng đen” để có biện pháp xử lý, tránh đánh đồng “tín dụng đen” và “tín dụng phi chính thức”. Qua đó, hạn chế sự sáng tạo trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và đáp ứng nguồn vốn phi ngân hàng cần thiết cho nhu cầu của doanh nghiệp. Kiểm soát quy mô tín dụng phù hợp với chỉ tiêu định hướng, nâng cao chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho tiếp cận tín dụng của nền kinh tế. Cần nhắc lùi lộ trình cắt giảm tín dụng ngoại tệ để hỗ trợ doanh nghiệp.

Nghiên cứu, ban hành các quy định về quản lý ngoại hối thông thoáng hơn đối với các quỹ, doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực đổi mới, sáng tạo.

Về chính sách tài khóa:

- Thực hiện nghiêm kỷ luật chi NSNN nhằm bảo

đảm thực hiện mục tiêu thâm hụt NSNN đề ra cho năm 2019 và giảm áp lực cho thu NSNN.

- Nghiêm túc cân nhắc không bổ sung hoặc tăng các loại thuế và phí để tạo thêm lợi ích và hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu vực tư nhân. Đẩy mạnh giảm bội chi ngân sách thông qua chống thất thu thuế.

- Đẩy nhanh giảm chi thường xuyên gắn với tinh giản đáng kể đội ngũ công chức, viên chức. Tiếp tục thử nghiệm, phổ biến mô hình thuê ngoài các dịch vụ, mà Nhà nước không cần biên chế để trực tiếp làm.

Về chính sách thương mại: Mạng lưới ngoại giao, thương vụ ở nước ngoài (đặc biệt các thị trường chủ chốt) cần được trao cơ chế và/hoặc chủ động hơn trong các hoạt động tiếp xúc, nắm bắt tình hình/động thái của đối tác và một số hoạt động cần thiết khác (thay vì phải chờ ý kiến ở trong nước).

Nghiên cứu các giải pháp đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu vào thị trường Mỹ, để bảo đảm tăng trưởng xuất khẩu bền vững. Nghiêm túc, thường xuyên rà soát xuất xứ của hàng Việt Nam xuất khẩu vào Mỹ, tránh gian lận xuất xứ. Cân nhắc kịch bản thương mại với Mỹ (không dùng biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS) hoặc các hàng rào kỹ thuật thương mại (TBT) với hàng nhập khẩu quan trọng từ Mỹ; khả năng Mỹ giảm nhu cầu nhập khẩu...).

Tiếp tục tăng cường các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hàng Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc. Theo dõi chặt chẽ diễn biến nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc để có giải pháp ứng phó kịp thời trước khả năng hàng Trung Quốc chuyển hướng sang Mỹ hoặc lợi dụng xuất xứ Việt Nam trong cuộc chiến thương mại với Mỹ.

Nâng cao năng lực quản lý cạnh tranh, chống trợ cấp, chống bán phá giá, giải quyết tranh chấp thương mại và quản lý thị trường, đồng thời có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Bảo đảm hài hòa hòa các cam kết và yêu cầu kỹ thuật liên quan (nhất là về quy định xuất xứ, các quy định liên quan đến nông sản). Hoàn thiện thể chế liên quan đến các vấn đề, như: sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm..., tạo thuận lợi cho đàm phán và thực thi các hiệp định thương mại và đầu tư.

Về chính sách giá cả, tiền lương: Nghiêm túc đánh giá lại tác động của điều chỉnh giá điện tới sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân, chủ động thông tin minh bạch, kịp thời để ổn định tâm lý của người dân, doanh nghiệp.

Nghiên cứu, cân nhắc thời điểm và liều lượng điều chỉnh giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý giá để tránh gây sức ép lạm phát. Đặc biệt, nghiên cứu, cân nhắc không tăng lương tối thiểu vùng năm 2020.

Về chính sách đầu tư:

- Tăng cường theo dõi, đánh giá dòng vốn đầu tư (nhất là đầu tư gián tiếp qua thị trường chứng khoán) để kiểm soát rủi ro “vốn nóng”, kinh doanh đồn bầy cao và rủi ro lan truyền.

- Cụ thể hóa và truyền thông về định hướng thu hút FDI trong bối cảnh mới. Khuyến khích, động viên các nhà đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam.

- Nghiên cứu, ban hành chiến lược, các biện pháp thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp nước ngoài, trên cơ sở không trái với cam kết và thông lệ quốc tế, có sự đồng thuận của nhà đầu tư.

Thứ hai, tái khẳng định ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, tạo dựng thêm dư địa cho điều hành chính sách kinh tế vĩ mô, vận dụng các chính sách kinh tế vĩ mô linh hoạt để ứng phó với các diễn biến bất lợi của kinh tế thế giới và khu vực (đặc biệt diễn biến chiến tranh thương mại - công nghệ giữa Mỹ - Trung Quốc).

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu lại các lĩnh vực, trong đó đẩy mạnh phát triển về chất lượng nhằm tăng khả năng chống chịu của nền kinh tế trước những biến động khó lường của kinh tế và thương mại thế giới.

Đẩy nhanh tiến trình cơ cấu lại, cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước (DNNN); xây dựng và ban hành công khai, minh bạch kế hoạch cụ thể sử dụng vốn thu được từ thoái vốn DNNN, công khai các DNNN chậm trễ trong việc thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn, niêm yết, gắn với trách nhiệm cá nhân để có giải pháp xử lý nghiêm và hiệu quả. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CIEM (2019). *Báo cáo kinh tế vĩ mô quý II và 6 tháng đầu năm 2019*
2. Ngân hàng Thế giới (WB) (2019). *Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới tháng 06/2019: Căng thẳng gia tăng, đầu tư trì trệ*
3. Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV (2019). *Báo cáo Kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm 2019, công bố tháng 06/2019*
4. Lê Hoàng Phương (2019). *Báo cáo chuyên đề: Cơ hội cho nhiều ngành thế mạnh của Việt Nam khi EVFTA được ký kết và phê chuẩn*